

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 389****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Minh Tuệ****Biên tập: Minh tâm****Thời gian: 01.05.2011****Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong**

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại thừa vô lượng thọ kinh giải, trang 480, hàng thứ hai từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ chữ thứ ba.

“Nhu Hội số đã khai thị, chỉ tin vào nhất niệm, không cần niệm bao nhiêu. Yếu giải lại nói: Nếu tín nguyện kiên cố, mười niệm, nhất niệm khi gần mất, cũng chắc chắn vãng sinh. Nếu không có tín nguyện, cho dù trì danh hiệu đến mức gió thổi không lọt, mưa rơi không thấm, như tường sắt vách đồng, cũng không thể nào vãng sinh”.

Những câu này đều giải thích tín nguyện niệm Phật cho chúng ta. Phần trước chúng ta đã đọc rất nhiều và cũng nói rất chi tiết về “nhất niệm tịnh tín, chí tâm nguyện sanh”. Đến đây ta đã thấy phương pháp quan trọng nhất của việc tu hành. Tịnh tông đưa ra ba chữ: Tín, hạnh và nguyện. Xây dựng được niềm tin rất khó, vì thế chư Phật, Bồ tát đều nói pháp môn này là “pháp rất khó tin”. Sống trong xã hội hiện tại, ta có cảm xúc rất sâu sắc với ba chữ này. Ta thường được nghe những vị tổ sư trước đây giảng kinh, dạy học, nhưng không nghe quý vị đó nói thấu triệt về những vấn đề này, cũng có thể lúc bấy giờ khác với thời đại chúng ta ngày nay, xã hội chúng ta đang sống ngày nay có nhiều biến động, thiên tai trên quả địa cầu ngày càng nhiều mà lịch sử trong quá khứ chưa từng được ghi lại.

Chúng ta hãy xem những tin tức báo chí gần đây nhất, nước Mỹ, ngày trước tôi đã sống ở đó một thời gian khá dài, mỗi năm xảy ra hai, ba đợt lốc xoáy, nghe nói bây giờ lại một tháng xảy ra hai, ba trăm đợt, rốt cuộc đã xảy ra những chuyện gì? Điều đó khiến chúng ta nghĩ đến ba ý nghĩa sâu sắc không bờ bến của ba chữ tín, nguyện và hạnh.

Trong kinh Hoa nghiêm đức Phật dạy, khởi tâm động niệm của chúng ta sẽ ảnh hưởng đến sơn hà đại địa. Khi chúng ta đã đọc kinh Lăng nghiêm, khi chúng ta đọc tác phẩm Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, mới hiểu được việc khởi tâm động niệm của chúng ta sẽ ảnh hưởng đến cả vũ trụ. Vì sao vậy? Vì vũ trụ giống như một tấm lưới, chỉ cần bứt một sợi tóc thì cả cơ thể đều biết, đây là nói đến khởi nguyên vũ trụ, đó là một sanh mạng thể

cộng đồng. Lão Tử đã nói, thời đại Lão Tử Phật giáo chưa truyền đến, Lão Tử nói rằng: Trời đất cùng nguồn gốc với ta, vạn vật cùng một thể với ta. Vấn đề này xuất phát từ cảm xúc hay chân tướng sự thực là như vậy? Tất cả chúng ta đều không cho rằng đó là chân tướng sự thực, mà được nói ra do cảm xúc của Lão Tử. Nhưng sau khi xem trong kinh Phật, ta biết nó là sự thực, nó không phải nói do cảm xúc mà chân tướng sự thực là như thế. Chúng ta hoài nghi, chúng ta không hiểu rõ là bởi chân Lý đó quá cao siêu, sự việc quá xa lạ, mãi đến ngày nay, ba mươi năm gần đây, những nhà khoa học Lượng tử đã đưa ra kết quả nghiên cứu, chúng ta hiểu khi đọc nó, vì sao vậy? Từ xưa kinh Phật đã nói rồi, ba ngàn năm trước Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói rồi, nên chuyện đó chỉ phụ thêm để nói rõ cho mọi người mà thôi. Hiện nay thế giới thừa nhận Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài diệt độ đến nay đã hơn hai ngàn năm trăm năm.

Năm 2006, chúng tôi tham gia những hoạt động kỉ niệm tròn hai ngàn năm trăm năm mươi năm tại Paris. Những ghi chép của lịch sử Trung quốc chúng ta không phải như thế, thời cổ đại, ngay cả trong cuốn nhật tụng ngày nay cũng có. Phật Thích Ca Mâu Ni Phật đản sanh vào năm nào? Năm Giáp dần, vua Chiêu Vương nhà Chu thứ hai mươi bốn. Nhập Niết bàn đời vua Mục Vương nhà Chu. Theo lịch sử Trung quốc ghi lại, đời xưa của Trung quốc đều tính niên đại theo cách như thế. Phật Thích Ca diệt độ đến nay đã 3318 năm. Cũng không cần nghiên cứu những sự việc như thế này vì nó không liên quan, không quan trọng. Rốt cuộc thì năm nào mới đúng, chỉ có đến hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni mới có câu trả lời chính xác nhất. Mỗi người đều có Lý lẽ của mình, đều có căn cứ của mình, vì vậy chúng ta cứ yên tâm với những việc như vậy, bởi vì kiểu khảo chứng đó thực sự không có ý nghĩa gì.

Trước đây ba ngàn năm Thế Tôn đã nói, các nhà khoa học ngày nay chỉ làm sáng tỏ thêm, nhưng đây không phải là chuyện đơn giản! Với chúng ta đó là một sự kiện có ý nghĩa rất lớn, là bởi từ trước đến nay chúng ta hoàn toàn nghi ngờ về vấn đề này, đến khi giới khoa học công bố, chứng minh những lời Phật đã nói là chân thật, không giả dối. Ngày nay khoa học là môn học mũi nhọn, phát triển theo hai hướng chính, một là hướng về hồng quan vũ trụ, thăm dò không gian, phát hiện ra tất cả những hành tinh, có vẻ cách chúng ta càng ngày càng xa, như một loại vật liệu nổ. Sau khi tiến sát bên cạnh thì không còn thấy nữa. Nghiên cứu của các nhà khoa học cho rằng, chúng ta có thể thăm dò được độ 10% vũ trụ, 90% còn lại không thể thấy được, tìm đâu cũng không thấy. Nghe những tin tức đó, chúng ta hiểu được Lý do của sự biến mất này. Nghiên cứu về vi quan thế giới là khoa học lượng tử, một bên là cực đại, một bên là cực tiểu, rất khó nắm bắt, không hề dễ dàng.

Quang tử, hay còn gọi là lượng tử được phát hiện ra độ ba mươi năm trở lại đây. Trong chú giải này, Hoàng Niệm Lão đã cho chúng ta biết, một hạt

bụi, một cọng lông, cọng lông hay hạt bụi là đơn vị nhỏ nhất, trên thực tế là chỉ lượng tử. Lượng tử lớn cỡ nào? Giới khoa học đã đưa ra một khái niệm, nguyên tử, hiện tại ai trong chúng ta cũng biết khái niệm này. Nguyên tử là do điện tử ngoài hạt nguyên tử cấu thành, nó giống như một vũ trụ thu nhỏ, điện tử quay xung quanh hạt nguyên tử. Lượng tử lớn cỡ nào? Bằng một phần một trăm ỨC ĐIỆN TỬ, nghĩa là một trăm ỨC LƯỢNG TỬ MỚI TẠO RA ĐƯỢC MỘT HẠT ĐIỆN TỬ, một đơn vị cực nhỏ, nhưng tần suất khá cao, tốc độ di chuyển rất nhanh.

Tiến sĩ Max Planck người Đức, là thầy của Einstein, ông này dành cả cuộc đời mình để nghiên cứu thuyết lượng tử, ông rất giỏi phân tích hiện tượng vật chất. Ông cho rằng bản chất của vật chất là ý niệm. Vậy ý niệm có từ đâu? Ông không trả lời được, ông chỉ nói vấn đề này là từ không sinh ra tất cả, nói rất đúng, từ không sinh ra tất cả, có thể nói được. Từ nghiên cứu này, nói theo kinh Phật, khoa học kỹ thuật của họ đạt đến một mức nhất định. Nói cách khác, tiếp tục đột phá thêm là không dễ dàng. Trong kinh Phật nói về vi quan vũ trụ, người ta đã tìm ra A lại da. Giáo Lý Đại thừa cho rằng A lại da là khởi nguyên của vũ trụ. Nghiên cứu về hồng quan vũ trụ, họ tìm thấy biên tế, tất cả những vấn đề này đã được nói trong kinh Phật. Chúng ta dùng thức thứ sáu, tức là dùng suy nghĩ, tư tưởng, dùng quan sát để đạt đến giới hạn cuối cùng. Muốn nâng cao nữa thì sao? Nâng cao lên nữa thì có pháp tánh. Họ không thể duyên tới được, vì sao vậy? Vì pháp tánh không có hiện tượng, giới khoa học quan sát phải có đối tượng. Ba loại lớn của đối tượng là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Đến lúc nói pháp tánh, bản tánh và Phật tánh thì nhà Phật nói nó không có hình dáng, nó không thuộc hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Nói cách khác, anh dùng biện pháp nào đi nữa cũng không thể khám phá được. Vậy làm sao để khám phá nó? Phải buông bỏ mới được. Trong kinh Đại thừa, Phật đã dạy chúng ta, buông bỏ chấp trước, ai không chấp trước tất cả pháp của thế gian cũng như xuất thế, người đó được xem là A la hán, đây là học vị đầu tiên trong Phật học, quý vị sẽ được học vị A la hán, khi được học vị A la hán, nói cho quý vị biết, không còn trôi lăn trong sáu đường nữa, thế giới của ta đây không còn nữa, tất cả là giả, như trong một giấc mộng, khi tỉnh dậy, những gì quý vị đã mơ không còn nữa. Khi A la hán tỉnh dậy thì sáu đường chúng sanh không còn nữa, khi sáu đường không còn nữa thì hiện ra một cảnh tượng khác, đó là pháp giới tứ thánh: Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Khi cảnh tượng này xuất hiện thì mộng đã tỉnh, nhưng thực ra nó vẫn là mộng. Sáu đường là mộng trong mộng.

Giai đoạn thứ hai, với pháp thế gian và xuất thế, chúng ta không những không chấp trước mà phân biệt cũng không còn, không còn phân biệt, đó là Bồ tát, cao hơn A la hán. Nhưng họ vẫn khởi tâm, vẫn động niệm, khi buông bỏ khởi tâm động niệm, không còn khởi tâm động niệm nữa, họ mới kiến

tánh. Giới khoa học không thể làm được việc này, vì họ còn khởi tâm, còn động niệm, còn phân biệt, chấp trước, vì thế họ phải bị giới hạn. Với bên trong có thể thấy được A lại da, bên ngoài có thể thấy được hồng quan vũ trụ, nhưng không thể kiến tánh. Muốn kiến tánh, không gì hơn là buông bỏ tất cả những thứ đó, vì sao vậy? Vì tất cả đều là giả. Hiện tượng tự nhiên mà nhà khoa học nói đến, Phật pháp gọi là nghiệp tướng trong A lại da, họ gọi là tin tức hoặc hiện tượng tinh thần, là chuyển tướng trong A lại da, họ nói vật chất thì đó là cảnh giới tướng trong A lại da. Tất cả những vấn đề này không dễ dàng. Chúng ta không thể không khâm phục những thành tựu của khoa học, nhưng họ không thể thấy được tánh, tức là họ không thể trả lời từ đâu mà có ý niệm, cho nên nói được từ không sanh ra tất cả, cũng là khá lắm rồi, thật hiếm có, thật hiếm có. Phật pháp nói rất thấu triệt, ngày nay chúng ta đã nhận thức được Phật pháp không những là một nền triết học tối cao mà còn là khoa học tối cao nữa. Có thể nói những vấn đề khoa học và triết học không giải quyết được, thì Phật giáo Đại thừa đã phân tích một cách rõ ràng, cụ thể, mang lại trí tuệ đích thực, lợi ích đích thực. Những trở ngại bày ra trước mắt chúng ta, là gì? Đầu tiên, ngã, cái này mới rắc rối! Cái ngã này là giả, không phải thật, thân này không phải là tôi, kinh Kim Cang đã nói rất rõ ràng: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Đây mới bước đầu đề vào Phật pháp, địa vị chưa cao lắm. Đẳng cấp nào? Tu đà hoàn của Tiểu thừa, tương đương với Đại thừa là Bồ tát Sơ tín trong Thập tín Bồ tát. Sơ tín là Tiểu học, Tiểu học của Phật giáo, lớp một Tiểu học. Tiểu học có mười lớp, từ lớp một đến lớp mười, mới lớp một Tiểu học. Lớp một Tiểu học mà đã không coi thân này là của tôi. Thân là gì? Thân này do tôi sở hữu, giống như quần áo, quần áo không phải là tôi, mà nó do tôi sở hữu, bởi thế thân thể không phải của tôi, mà tôi chỉ sở hữu thôi, vậy cuối cùng cái gì mới là của tôi? Những nhà triết học nước ngoài cũng thừa nhận linh hồn mới là của ta. Suy nghĩ có phải là của ta không, vấn đề này hơi khó đối với những người bình thường, họ không chấp thân này là của ta, linh hồn liệu có phải là của ta không? Vẫn không phải. Không thể nói nó hoàn toàn không phải, nó là một cái ngã mê hoặc điên đảo, đó là cái ngã chưa giác ngộ, linh hồn. Nói trắng ra gọi nó là linh hồn là có vấn đề, hồn không linh. Nếu nó linh nó có đi đâu thai vào ba đường ác không? Không thể. Đầu thai vào ba đường ác là mê hoặc điên đảo.

Không tử không gọi nó là linh hồn, trong Dịch Hệ Từ, Không tử có Lý khi gọi nó là du hồn: Tinh khí tạo nên hình hài, du hồn biến chuyển. Gọi là du hồn, rất chuẩn. Tốc độ của nó rất lớn, không có gì ngăn cản nó được.

Phật pháp gọi nó là linh tánh, bản tánh, Phật tánh, tự tánh, đó mới là cái ngã chân thật. Nó mới là thế giới thân tâm bây giờ của chúng ta, nó là căn nguyên, tất cả từ nó mà biến ra. Trong Phật pháp gọi là vũ trụ chính là thân

thể chúng ta, tinh thần, thân thể con người, duy tâm sở hiện, tâm ở đây là chân tâm chứ không phải là vọng tâm, là tánh, chân tánh.

Người xưa cho rằng bốn tánh bốn thiện, bốn tánh mà người xưa nói đến ngang bằng với Phật tánh nhà Phật đề cập. Bốn thiện ở đây không phải thiện trong thiện ác mà thiện ở đây là một đức tính, tức là viên mãn. Giống như minh tâm kiến tánh của đại sư Huệ Năng đã trình lên cho hoà thượng Ngũ tổ Hoằng Nhẫn. Gồm hai mươi chữ, nói rõ những gì ngài đã chứng ngộ. Thế nào là chân như, tự tánh? Câu đầu tiên là “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, tự tánh không mong cầu, nói theo ngôn ngữ ngày nay: không ngờ tự tánh, xưa nay nó đã thanh tịnh. Hiện tại đã ô nhiễm hay chưa? Chưa, chắc chắn là chưa. Tự tánh là chân tâm, là cái ngã chân chánh. Minh tâm kiến tánh tức là tìm ra cái ngã của mình. Câu thứ hai là “vốn không sanh diệt”, nó không có hiện tượng sanh diệt, không sanh không diệt. Câu thứ ba là “vốn tự đầy đủ”, tuy nó không nằm trong hình thức nào, nhưng như vừa nói, nó không có hình dáng, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, không có hiện tượng tự nhiên, nhưng quý vị không thể nói là nó không có, hình dáng nào nó cũng có, vì nó biết biến. Câu cuối “năng sanh vạn pháp”, tất cả các pháp đều do nó biến ra. Còn một câu “vốn không dao động”. Bởi thế chân tâm là định, điều này quý vị cần ghi nhớ. Động là vọng tâm, không phải chân tâm, nghiệp được tạo nên từ vọng tâm là luân hồi sáu đường, chân tâm không tạo nghiệp.

Chúng ta đã nghe những kết quả nghiên cứu khoa học, đối chiếu những nghiên cứu này với những gì Phật đã nói càng ngày càng rõ ràng, càng ngày càng minh bạch. Vũ trụ từ đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Vũ trụ có quan hệ gì với chúng ta? Sau khi đã làm sáng tỏ ta biết rằng vũ trụ với ta vốn cùng một thể, vì thế bất luận hiện tượng ba động của vật chất, vật chất đang chuyển động, nếu nó đứng yên vật chất sẽ biến mất, đó là hiện tượng ba động. Ý niệm cũng là một dạng ba động, tức hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên cũng là hiện tượng ba động. Cái này chuyển động, vừa động là chu biến pháp giới. Tốc độ của nó nhanh gấp mấy lần tốc độ ánh sáng. Ánh sáng mặt trời muốn chiếu đến địa cầu phải mất hơn tám phút. Ba động của vật chất và ba động của tinh thần, vừa động là chu biến pháp giới, cả pháp giới hư không đều nhận được. Thân thể của chúng ta, tâm niệm của chúng ta là một đài phát sóng, nhưng cũng là một đài thu sóng. Khi phát đi ta không hề hay biết, nhưng người khác nhận được. Đài thu của chúng ta, có thể thu tất cả những tín hiệu của vũ trụ, chúng ta vẫn thu được nhưng chúng ta không biết mình đang thu, là bởi cái máy của mình bị sự cố, không nhạy, có nhận được nhưng nhận rồi không đó sự đáp trả. Đến lúc nào ta mới có sự phản ứng? Lúc tâm đã thanh tịnh. Chúng ta hãy xem kinh nói “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”, thanh tịnh là A la hán, bình đẳng là Bồ tát, giác là Phật. Khi quý vị đạt đến cảnh giới này thì có thể tiếp thu được. Chúng ta đã nắm được những vấn đề này nhưng vẫn

chưa chứng được, việc hiểu của ta gọi là giải ngộ, do đọc trong kinh điển mà hiểu, ta nghe giảng sư nói mà hiểu, đây là giải ngộ, không phải chứng ngộ, chứng ngộ là có hiệu quả ngay. Cũng như nói chúng ta đã hiểu rõ nhưng chúng ta không buông bỏ, vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chưa thể buông bỏ được. Nhưng sau khi đã hiểu rồi, quyết tâm tu hành để biết được rằng, nên buông bỏ. Vì ngay từ đầu không hiểu nên vẫn giữ khư khư không chịu buông bỏ, bây giờ đã biết, nên buông bỏ, buông bỏ là đúng. Buông bỏ là gì? Quay về tự tánh, vì bản tánh vốn đã đầy đủ, đây là lời của đại sư Huệ Năng.

Trong kinh Hoa nghiêm Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói rất cụ thể, Phật nói đầy đủ cái gì? Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai, đó chính là bản tánh đầy đủ. Trong tự tánh của quý vị đã có vô lượng trí tuệ, vô lượng tài năng, vô lượng tướng hảo, không thiếu thứ gì. Bởi hiện tại quý vị đang có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên không chứng được, vấn đề là ở chỗ đó. Chỉ cần một câu mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói tất cả. Nói cách khác, chúng ta có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là thành Phật ngay. Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm tấm gương cho chúng ta, buông bỏ hết khi ngồi dưới cội Bồ đề, đại triệt đại ngộ. Ngài Huệ Năng cũng làm một tấm gương cho chúng ta, nửa đêm ngài đến phương trượng Ngũ tổ Hoằng Nhẫn buông bỏ tất cả, buông bỏ như thế là thành Phật, nên Ngũ tổ liền truyền y bát cho ngài.

Môn học Phật pháp là một môn nghe dễ nhưng khó làm. Đây là vấn đề ngày trước đại sư Chương Gia đã dạy tôi. Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh dạy học suốt bốn mươi chín năm, nghe khó nhưng rất dễ thực hiện. Quý vị xem đại sư Huệ Năng khi ở phương trượng, tôi nghĩ ngài ở đó độ hơn hai giờ, hai giờ đồng hồ mà một người phàm phu thành Phật, không gặp một trở ngại nào. Cái khó của chúng ta bây giờ là gì? Đó là không chịu buông bỏ, cho rằng thân này là của tôi, cho rằng thế giới đó là có thật, không biết rằng mình đang nằm mơ. Nếu buông bỏ được là tỉnh mộng ngay, hiểu rõ tất cả. Muốn buông bỏ, việc đầu tiên là lòng tin, ở đây chúng ta đang nói đến tín, hạnh và nguyện. Ngày nay chúng ta liệu đã tin lời dạy của chư Phật, Bồ tát chưa? Chưa. Chúng ta chỉ xem nó là một môn triết học để nghiên cứu, một môn khoa học để nghiên cứu, làm như vậy quý vị chỉ có thể nắm được một phần rất nhỏ thôi, phần rất nhỏ trong đó, còn phần lớn chưa thể nắm được. Mấy người thật sự tin tưởng?

Chúng ta đọc kinh Địa Tạng, rất nhiều người đã tụng kinh này, trong kinh Địa tạng, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã khen ngợi Kiên Lao địa thần, vị thần này tượng trưng cho cái gì? Biểu trưng cho sự vững chắc của địa cầu. Thế giới Cực lạc vững chắc, chưa ai nghe thế giới Cực lạc có thiên tai. Địa cầu của chúng ta thiên tai nhiều thế này là do đâu? Bây giờ chúng ta mới hiểu ra. Thế

Tôn đã nói cho chúng ba độc tham, sân, si, trên thực tế nó là sáu phiền não căn bản, sáu độc chứ không chỉ ba. Sau tham, sân, si còn ngạo mạn, hoài nghi, tất cả chúng ta ai cũng biết tham, sân, si, mạn, nghi. Đến bây giờ chúng ta mới thấy mạn và nghi đáng sợ đến thế nào. Ngạo mạn mang đến cho thân tâm chúng ta phiền não, ngày nay chúng ta nói đến sự bùng nổ, đó là do ngạo mạn mang lại. Hoài nghi, nghĩa là không tin rằng chính ta là Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, nhưng chúng ta không tin, không tin mình cũng là Thánh, đây là những lời dạy của người xưa. Câu đầu tiên trong cuốn Đại học khai tông minh nghĩa: Đạo của đại học là làm sáng đức sáng, là thân dân, dùng nơi chí đạo. “Minh đức” là thể, triết học gọi là bản thể. “Thân dân” là hiện tượng, thân dân là gì? Thân ái, yêu người, nhân ái. “Dùng ở chí thiện” là tác dụng, những vấn đề này tương thông với Phật giáo Đại thừa. Thời nay thế nào? Bây giờ minh đức của chúng ta không sáng nữa, bởi thế quý vị thấy sự thông minh của tổ tiên mình, trong chữ minh đức còn thêm chữ “minh”, phải khôi phục lại đức sáng. Minh đức là tự tánh, minh đức là vốn thiện, vì thế nên trong bản thiện bao gồm: Minh đức, thân dân, chỉ u chí thiện. Bao gồm tất cả, chỉ một chữ làm tượng trưng. Bản thiện, chúng ta cần thừa nhận. Nói cách khác, phải thừa nhận chúng ta vốn là người tốt, nhưng tại sao lại ngày càng tệ đi? Vì không ai dạy dỗ, không ai bày vẽ cho chúng ta, chúng ta tiêm nhiễm những tập tục xấu. Cổ nhân dạy: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Nếu chúng ở gần Hiền Thánh, tự nhiên chúng ta thành Thánh nhân, ở gần Phật Bồ tát thì chúng ta hiển nhiên thành Phật Bồ tát, nếu ở gần những người xấu ác thì ta sẽ trở thành người ác, đây chính là “tánh tương cận, tập tương viễn”.

Xã hội loạn lạc như ngày nay là do đâu? Cuộc sống biến chất đã làm cho mọi người xấu xa thêm, chúng ta toàn học những điều xấu, ai dạy dỗ chúng ta? Thầy Phương Đông Mĩ có lần nói với tôi: hàng ngày vô tuyến, internet cũng dạy cho ông. Quý vị xem con người ngày nay, ai không xem vô tuyến? Mỗi ngày phải xem mấy giờ, tiếp thu sự giáo dục này, nội dung các kênh truyền hình có gì? Bao lực, sắc tình, sát đạo dâm vọng, nó chỉ dạy quý vị chường đó. Nếu những tiết mục trên vô tuyến đều giảng kinh thuyết pháp, hoặc những lời dạy của cô thánh tiên hiền thì tất cả quý vị sẽ trở thành thánh nhân hết! Trên quả địa cầu này toàn là Phật, Bồ tát, Thánh hiền, rất có ý nghĩa! Vì thế Đại thánh, đại triết, đại hiền xưa nay, họ làm gì? Toàn dạy học. Vì sao? Vì họ biết rằng chỉ có dạy học mới cứu đời được, chỉ có dạy học mới giúp mọi con người trở về bản tánh, có thể giúp đỡ tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Khổ từ đâu mà có? Khổ là do mê hoặc điên đảo, vì quý vị mê nên suy nghĩ lệch lạc, ăn nói sai lầm, làm việc không đúng, cuối cùng là khổ báo tìm đến. Vui từ đâu mà có? Niềm vui có từ sự giác ngộ, quý vị hiểu rõ, giác ngộ, suy nghĩ đúng đắn, lời nói từ ái, việc làm chuẩn xác, và cuối cùng nhận được kết quả tốt đẹp.

Chúng ta thử nhìn những vị sáng lập tôn giáo trên thế giới, đều là những bậc có trí tuệ lớn, là những vị toàn năng, toàn đức, suốt đời họ phụng sự, nói như ngôn ngữ ngày nay là làm công tác giáo dục xã hội, thực sự quên mình vì người. Không những giáo dục mà cuộc đời họ còn làm tấm gương cho mọi người noi theo.

Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thân từ một vương tử, ngài theo đuổi việc giáo dục xã hội, không mong người khác giúp đỡ ngài, chỉ cần gia đình giúp đỡ đã thừa rồi. Gia thế của ngài là quốc vương, có thể xây cho ngài một đạo tràng, một ngôi trường lớn, đó không phải là một làm đơn giản như trở bàn tay sao? Nhưng ngài không màng, ngài muốn sống đời của một vị sư khổ hạnh, sống tự do tự tại, sống đời rày đây mai đó, suốt đời không có trường lớp, không đạo tràng, không thể nói không có trường lớp nhưng trường của ngài không có cơ sở vật chất, vậy lên lớp ở đâu? Dưới gốc cây, bên dòng sông, đến đâu ngồi xuống là có thể lên lớp, quá thoải mái! Mỗi ngày ăn một bữa, ăn xong cát bát, ba y một bát. Nơi ngài cư trú là vùng nhiệt đới, ba y một bát là đủ, đó là vật chất sinh hoạt tối thiểu, chỉ cần mặc đủ ấm, ăn đủ no, thế là đủ, những thứ khác không để mắt đến. Được đại tự tại, thân tâm khoẻ mạnh. Bởi thế chúng ta phải để tâm học hỏi, quan sát tăng đoàn ngày đó, đó là một điển hình cho những người đi sau như chúng ta. Tham đắm vật chất chỉ làm hại người, nhất định phải buông bỏ tất cả những thứ đó. Dạy chúng ta buông bỏ, trước hết ngài đã buông bỏ, chúng ta không thể không tin tưởng. Quý vị xem trong tăng đoàn, trên dưới, lớn bé, không ai là không vui vẻ, khoái lạc không gì sánh được! Niềm vui đó từ đâu? Không tử có thể hiểu “học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”. Hỷ duyệt là gì? Mỗi ngày được tỏ ngộ, mỗi ngày được hiểu hơn, nên mới có niềm vui nhiều như thế. Sau này tìm hiểu rõ, thông đạt nhân quả, sự Lý, tánh tướng của cả vũ trụ, rồi lại được sự an lạc lớn lao, đó gọi là thành Phật, thành Bồ tát. Sau khi đã hiểu rõ rồi sẽ làm gì? Dạy học, giúp đỡ mọi người. Ai cũng thành Phật, chỉ hiềm họ mê mờ không giác ngộ, chỉ cần họ quay đầu là có thể giác ngộ, không khác ta, không khác những vị Phật trước đó, hoàn toàn bình đẳng, không hai không khác. Đã là một thể nên hi vọng tất cả chúng sanh, mỗi mỗi đều quay đầu, mỗi mỗi giác ngộ, vì thế Tịnh độ Thường tịch quang là có thật. Kiến tánh là thấy cái gì? Đó là thấy Thường tịch quang, 90% vũ trụ đi đâu? Về Thường tịch quang, bởi thế giới khoa học tìm không được. Vũ trụ bất luận lớn nhỏ, quý vị thấy các hiện tượng của nó, đó là hiện tượng tuần hoàn, quay về về Thường tịch quang là vòng tuần hoàn lớn nhất. Quý vị xem từ lúc nó bắt đầu chưa giác ngộ, bắt đầu từ Thường tịch quang, khi chưa giác ngộ biến thành A lại da, rồi sau đó biến thành cõi Thật báo, rồi biến thành mười pháp giới, biến thành sáu đường, cuối cùng nhờ tu tập rồi từ từ nâng lên, nâng lên đến cuối cùng quay về Thường tịch quang. Đó một vòng lớn nhất nhưng chắc chắn sẽ quay về điểm xuất phát. Chúng ta hiểu được hiện tượng này, phát hiện ra nó.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn dạy: Tham dục, hệ lụy của lòng tham là thiên tai về nước, hiện nay địa cầu đã xuất hiện hiện tượng nước biển dâng, những vùng đất sẽ bị nhấn chìm trong đại dương, nguyên nhân do đâu? Do yếu tố nào tạo nên? Những người bình thường vẫn nghĩ đó là hiện tượng vật Lý, nhưng hiện tượng vật Lý có giới hạn nhất định, không phải là tất cả. Sau lưng hiện tượng vật Lý là hiện tượng tâm Lý, điều này cao hơn một mức, do lòng tham tác động. Hiện tượng vật Lý không thể nghiên cứu đến mức đó được. Lòng tham tác động, núi lửa tuôn trào, nhiệt độ địa cầu tăng cao, giới khoa học cũng dùng phương pháp vật Lý để nghiên cứu, và cho rằng đó là chất silic dioxide, họ nghiên cứu vấn đề này. Phật pháp không làm như vậy, Phật pháp cho rằng đó là do lòng sân hận, lòng giận hờn đã làm cho núi lửa tuôn trào, lòng sân hận đã tạo nên hiện tượng địa cầu nóng lên. Ngu si kéo theo những thiên tai về gió bão, chúng ta hãy xem gần đây nước Mĩ hình cũng giống một số châu lục khác, mỗi năm xuất hiện hàng trăm hiện tượng lốc xoáy, một hiện tượng từ xưa đến nay chưa từng xảy ra, đó là do ngu si tạo nên. Hậu quả của ngạo mạn là động đất, hoài nghi càng đáng ngại hơn, hệ quả của hoài nghi là quả đất của chúng ta lún nứt, núi lớn lún nứt, nó sẽ đổ xuống, quả đất lún nứt, nó sẽ chìm xuống đại dương. Liệu có phương án để chữa chạy không? Có. Chữa chạy thế nào? Không tham, không sân, không si, không mạn, không nghi, thì vấn đề sẽ được giải quyết. Chúng ta đừng hoài nghi bản thân mình, đừng hoài nghi tất cả chúng sanh, cần có niềm tin. Người khác lừa ta, đó là việc của họ, ta đừng lừa họ lại. Họ lừa mình, mình vẫn tin họ. Lòng tin của tôi đã vững vàng thì thân tâm mạnh khoẻ, nếu lúc nào mình cũng hoài nghi thì hệ miễn dịch của ta bị giảm sút rất mạnh, chắc chắn quý vị không ngăn được sự xâm nhập của mầm bệnh, có nghĩa là rất dễ mắc bệnh. Là bởi cơ thể của quý vị, tinh thần của quý vị, thân thể dặt dẹo, không chắc chắn, vì thế lòng tin rất quan trọng! Với bản thân thì nó bảo vệ sức khoẻ cho quý vị, còn với môi trường xung quanh thì cả vùng đất nơi quý vị ở sẽ vững chắc, sẽ không xảy ra tai nạn.

Phật pháp đi sâu hơn một mức để nói cho chúng ta về tâm Lý, vật Lý được xây dựng trên nền tảng tâm Lý, vì thế ngày nay giới khoa học chỉ nghiên cứu tầng bên trên, họ không hiểu được tầng bên dưới, vì vậy họ không giải quyết vấn đề một cách triệt để.

Ưu điểm của thế giới Cực lạc là ở đâu? Có phải là nơi tập khí phiền não của mọi người không? Không. Mỗi người khi vãng sanh đến thế giới Cực lạc đều có đức tin rất kiên cố. “Các bậc thượng thiện nhân ở chung một chỗ”, cư dân ở thế giới Cực lạc không có tà niệm, không có những hành vi không chính đáng.

Những người thế giới chúng ta đây, nếu học được những đức hạnh của những cư dân thế giới Cực lạc, thì quả đất của chúng ta sẽ trở thành thế giới

Cực lạc ngay, việc này nói lên điều gì? Cảnh theo tâm chuyển! Thân thể chúng ta là chỗ chúng ta thân cận nhất, là một hiện tượng vật chất, một cảnh giới, tâm Lý quý vị vững vàng thì cơ thể mới mạnh khoẻ được. Đầu óc quý vị lúc nào cũng nghi ngờ không biết chỗ đau này của tôi đã mắc bệnh gì, chắc chắn mấy hôm sau quý vị sẽ mắc bệnh ngay, đến bác sĩ, quả thực không sai. Bệnh đâu ra? Từ nơi suy nghĩ của quý vị. Sao quý vị không nghĩ mình là người khoẻ mạnh, mà lại nghĩ mình bệnh hoạn? Bác sĩ chữa bệnh, nói thật, bác sĩ có thể chữa lành bệnh cho quý vị không? Không bao giờ. Làm sao để chữa lành được? Chỉ có lòng tin mới chữa lành được. Người bệnh này đặt niềm tin vào ông bác sĩ này, mua thuốc ông đó uống thì bệnh liền khỏi. Người bác sĩ kia tay nghề giỏi hơn ông này, nhưng người bệnh không có lòng tin, xin thuốc không đúng, lại xin thuốc bên này. Thuốc linh hay không quan trọng ở chỗ nào? Lòng tin. Phải nắm được vấn đề. Chúng ta đặt niềm tin vào Phật, Bồ tát. Phật Bồ tát mỗi ngày ăn một bữa, ta mỗi ngày cũng ăn một bữa, thì bữa ăn đó mới thoải mái, hoan hỷ. Ăn ít một bữa, dư ra rất nhiều thời gian. Cần đặt niềm tin nơi mình, trong này có một chân Lý, thân thể là một cỗ máy, cỗ máy cần tiêu hao năng lượng, giống như chiếc ô tô, nếu không bơm xăng nó không thể chạy được. Cỗ máy con người này, ăn uống chính là bơm xăng cho nó. Năng lượng bị tiêu hao nhưng tiêu hao như thế nào? Lao tâm, lao lực thì năng lượng tiêu hao không nhiều, nhưng tiêu hao năng lượng lớn nhất đó là vọng niệm, suy nghĩ lung tung. Thầy giáo của tôi, lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi theo học với ông, năm đó tôi 31 tuổi, ông đã hơn 70, hơn tôi 39 tuổi. Mỗi ngày ông làm việc bằng khối lượng công việc năm người làm gộp lại, một khối lượng công việc rất lớn, lại còn dạy một lượng học sinh rất đông, mỗi ngày ăn một bữa. Khi tôi theo học Phật, tôi bỏ luôn bữa tối, mỗi ngày ăn hai bữa. Tôi nghĩ thầy giáo là người lớn tuổi, làm việc nặng nhọc mà mỗi ngày ăn một bữa vẫn đủ sống thì tôi ăn hai bữa là quá ỏn, tôi học theo thầy. Khi tôi học được tám tháng mới nói chuyện với thầy: Thưa thầy, bây giờ con cũng ăn ngày một bữa, ông bảo: Lâu chưa? Thưa tám tháng rồi ạ. Thấy cơ thể đã có sự thay đổi nào chưa? Dạ chưa, vẫn bình thường ạ. Nghe thế, ông vỗ bàn đánh bốp: Tiếp tục thực hiện đi, suốt đời đừng mong người khác. Tôi sống khá đơn giản, không cầu cạnh ai, vì thế tôi cùng ông thảo luận vấn đề này. Tôi thưa, năng lượng tiêu hao độ 95% vào vấn đề vọng niệm. Thầy đã ấn chứng cho tôi là đúng. Vì thế năng lượng dùng cho lao động tay chân và lao động trí óc rất ít, đây được gọi là dùng chính thức, suốt ngày suy nghĩ lung tung, nhất là nghi ngờ, năng lượng bị tiêu hao trong việc nghi ngờ là cực lớn, không nên như vậy. Người khác lừa ta, ta nên tin họ, họ chống lại ta, ta vẫn cứ tin họ, họ làm hại ta, ta vẫn cứ tin họ, không vấn đề gì! Phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, cần gì phải lao đao vì nó? Đừng tự mình mang họa vào thân. Tâm mình chánh, người khác muốn hại cũng không hại được, danh văn lợi dưỡng là những thứ ngoài thân, ta vốn muốn bỏ nó đi, họ muốn làm chướng ngại, nhưng căn bản không liên quan gì đến ta! Chỉ cần hoan hỷ là được. Sau khi đã hiểu ra, họ càng tôn

trọng mình, cảm thấy trong cuộc đời ta vẫn còn gặp được người tốt, họ sẽ tỉnh ngộ, nhưng mình cần có lòng nhẫn nại, đừng trách họ, tất cả tùy duyên, lúc đó quý vị mới là người tự tại.

Bởi vì, “lòng tin là mẹ của tất cả các công đức”, thế nên lòng tin của chúng ta rất quan trọng, con người phải có đức tin kiên định, tự tin. Phật pháp được kiến lập trên cơ sở tự tin bản thân.

Khi tôi sống bên Mỹ, một hôm có vị trưởng lão hội Thiên chúa giáo đến cùng tôi nghiên cứu tông giáo, ông ta bảo Thiên chúa giáo có những điểm rất gần với Tịnh tông của tôi, nếu tiếp cận về phương diện đức tin. Thiên chúa giáo dạy phải tin Thượng đế, các vị bảo tin Phật A di đà. Tôi trả lời có sự khác nhau, khác nhau thế nào? Điều đầu tiên trong niềm tin của Phật giáo là tin bản thân mình, sau đó mới tin Phật. Trong tác phẩm Di Đà Kinh Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã nói về tín, hạnh, nguyện. Riêng về đức tin, ngài nói có sáu điều: Thứ nhất, tin bản thân, nếu không tin mình thì tin Phật cũng không giải quyết được vấn đề gì, Phật không thể cứu giúp ta được. Trước hết phải tin ta là Phật, ta vốn là Phật, lúc đó Phật mới giúp ta quay về tự tánh, giúp ta thành Phật. Nếu không tin thì đành chịu.

Đức tin của quý vị không giống đức tin bên chúng tôi, niềm tin đầu tiên của quý vị là tin Thượng đế. Bên chúng tôi đầu tiên là tin bản thân, sau đó mới tin Phật Bồ tát, tin người khác. Cuối cùng mới tin sự, tin Lý, tin nhân, tin quả, sáu điều. Đức tin đầu tiên rất quan trọng, nếu mất niềm tin đầu tiên, tất cả đều mất hết. Ngày nay được mấy người tin bản thân mình? Bởi thế Phật pháp mới lu mờ, ngày nay rất nhiều người muốn ra sức nhưng không thể, không thành công trong việc tu học là do? Không có lòng tin chính mình.

Gần đây nhắc đến vùng Đông bắc, có người bạn đồng tu đó là cư sĩ Lưu Tố Vân, bà thực sự thành công sau mười năm. Bí quyết thành công của bà là gì? Lòng tin bản thân. Mọi người hỏi bà bí quyết thành công của bà là gì? Bà trả lời, trong sáu chữ: Chân thành, nghe lời và thật tu. Những bậc Thánh hiền xưa nay, có ai thành công mà không nhờ vào sáu chữ này! Mười năm trước bà nghe đĩa giảng của tôi, nghe những gì? Bà chỉ hiểu một câu rồi nỗ lực thực hiện, câu nói tôi thường nói cũng là câu nói của chư Tổ sư, không phải chính tôi, “nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”, bà đã nghe câu này. Vì thế cả cuộc đời của bà gắn với bộ kinh Vô lượng thọ, câu A di đà Phật, “nhất môn thâm nhập”! Mười năm đọc một bộ kinh và chỉ niệm một câu A di đà Phật. Cuối cùng bà đã đắc niệm Phật tam muội, bà đã khai ngộ. Quý vị nên biết tam muội là được định, nghĩa là chúng ta tập trung ý chí, tinh thần, thời gian lại một chỗ, rất khó thực hiện! Một người bình thường, tâm cần ba, bốn năm mới định, không còn vọng niệm nữa, năm sáu năm mới chắc chắn có sự khai ngộ,

có chỗ tỏ ngộ, không thể so với việc đại triệt đại ngộ của đại sư Huệ Năng, nhưng cũng là đại ngộ, trí tuệ hiển bày. Phương pháp dạy học của người xưa, chúng ta thời này không thể so sánh được. Bây giờ chúng ta đang làm trái, học theo phương Tây, học khoa học và bị nó đánh lừa. Phương pháp cổ xưa của người xưa là dạy học, quý vị xem, mỗi thời đại trong lịch sử đều có, tuy không nói có Thánh nhân xuất thế nhưng hiền nhân quân tử thì rất nhiều, đời nào cũng có hiền nhân, quân tử.

Cắt từ phút 58:54 đến phút 59:51 Phật giáo được truyền đến đây độ hai ngàn năm nay nhưng người Trung quốc tu tập đạt đến cảnh giới của Phật Thích ca mâu ni, tính sơ cũng có đến trên ba nghìn vị, thành tựu này có thể có không? Trong tác phẩm Ngũ đẳng hội nguyên của thiền tông đã ghi nhận 1700 vị khai ngộ. Giáo môn những người niệm Phật Lý nhất tâm bất loạn đại khai viên giải, lại còn Tam mật tương ưng, tổng cộng tất cả không thể dưới ba nghìn người. Nếu hợp cả Nho giáo và Phật giáo lại thì Thánh hiền quân tử ở Trung quốc đời nào cũng xuất hiện.

Phương pháp dạy học tư thực truyền thống rất hay, cả đời đi học của tôi từng chút một, đó là nhờ phương pháp dạy tư thực mà ra. Tôi học triết học với thầy Phụng, nói thật với quý vị, là bằng cách dạy tư thực, tôi năm mơ cũng không dám nghĩ, thầy là người có địa vị cao như thế, tôi nghèo rớt mùng tơi, nhưng tôi đã viết một bức thư thỉnh giáo nơi thầy, mong thầy chấp nhận cho chúng tôi đến trường bằng cách dự thính các lớp của thầy. Không ngờ sau khi thưa chuyện, thầy cho chúng tôi biết: trường học hiện nay, thầy không ra thầy, trò không ra trò, nếu anh muốn đến dự thính thì sẽ thất vọng rất lớn. Nghe thầy từ chối thẳng thừng, buồn lắm, nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh, không ngờ thầy rất thương yêu, ủng hộ hết mình những người trẻ tuổi. Độ năm, sáu phút sau, thầy bảo: Thôi thế này, mỗi chủ nhật anh đến chỗ tôi, tôi sẽ dạy cho anh độ hai giờ. Từ đó chúng tôi bắt đầu học, một thầy một trò trên một chiếc bàn tròn, đúng là dạy tư thực.

Tôi đến học ba năm với đại sư Chương Gia cũng bằng cách học tư thực, học sanh chỉ mỗi một mình tôi, mỗi tuần cũng hai giờ, tiếp thu những lời dạy của người, cũng không phải cùng nhau.

Chỉ có học mười năm với thầy Lý, vì thầy Lý chính thức mở trường dạy, nhận hơn hai mươi mấy học sinh, thầy dạy chúng tôi giảng kinh, chỉ trong lớp này tôi mới học cùng mọi người. Không hướng dẫn riêng, nhưng thầy rất quan tâm, thầy thuộc như lòng bàn tay về cách học tập của chúng tôi, rất quan tâm săn sóc, chúng tôi luôn ghi ơn thầy. Vì sao vậy? Vì phương pháp dạy học tư thực xưa hoàn toàn tiếp nối phương pháp dạy học cổ xưa. Tôi cho rằng phương pháp dạy học này không thể ngắn hơn mười ngàn năm. Văn tự xưa có mặt bắt đầu từ thời Hoàng Đế, nhưng ghi chép bằng văn tự chỉ có bốn ngàn

năm trăm năm, trước đó văn tự chưa có, chỉ truyền miệng từ đời này sang đời khác, vậy liệu có thất truyền không? Tôi tin không thất truyền, tại sao? Những gì được truyền tụng là thứ tinh túy, là nguyên tắc, nguyên Lý, không dài dòng. Tinh túy văn hoá xưa gồm bốn khoa mục, có thể tính chính thức từ đời vua Nghiêu, nhà nước đã phái một vị quan coi việc giáo dục, lúc bấy giờ được gọi là quan Tư đồ, được xây dựng chính thức từ thời vua Nghiêu, họ dạy những gì? Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, như vậy thì làm sao truyền sai được? Tôi tin những luân Lý này không phải do những người lúc bấy giờ phát minh ra, mà được truyền nhau từ đời này sang đời khác, mười ngàn năm nên dứt khoát không thể có chuyện tam sao thất bản. Vì ngũ luân chỉ có hai mươi chữ: Phu tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín. Quý vị xem liệu có truyền sai sao? Dù truyền lại mười ngàn năm vẫn không truyền sai, rất đơn giản mà! Ngũ thường lại càng ngắn gọn hơn, chỉ mỗi năm chữ: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, liệu có truyền sai không? Tứ duy chỉ có bốn chữ: Lễ, nghĩa, liêm và sĩ. Bát đức: Hiếu, đễ, trung, tín, nhân, ái, hoà, bình, chắc chắn là không truyền sai, dù truyền lại mười ngàn năm cũng không sai. Bởi thế Khổng tử biên tập lại những lời giáo huấn của cổ Thánh tiên hiền rồi truyền cho những người đời sau. Khổng tử là người biên tập lại, bởi thế Khổng tử được xưng là tập đại thành. Bản thân ông không sáng tạo, không phát minh, ông rất chân thật, quý vị xem trong tác phẩm Luận ngữ, ông tự gọi thiệu cho chúng ta: Thuật nhi bất tác. Ý nói ông ta là người thuật lại lời của cổ thánh tiên hiền, suốt đời ông chưa từng sáng tác, chưa phát minh. Cũng có nghĩa là những gì ông học được, tu được, những lời dạy, những gì truyền lại đều là sản phẩm của các bậc Thánh hiền xưa, không có gì là của ông cả. “Tín nhi hiếu cổ”, quan trọng chữ tín! Ông tin những lời của các bậc Thánh hiền xưa, “tín nhi hiếu cổ”, thích thú với những gì tiền nhân để lại, Chu Công là thần tượng trong lòng ông, Văn Vũ, Chu Công đều là những thần tượng của ông, ông đặc biệt sùng bái Chu Công. Chu Công là một bậc Thánh. Chúng ta thử quan sát, sự phát triển liên tục qua các thời đại của văn hoá Trung quốc, đến triều Thanh được biên tập lại thành “tứ khố toàn thư”. Nếu mở Tứ khố toàn thư ra, quý vị thử xem có chương nào đi ngược lại Tứ khoa không? Tứ khoa là cương lĩnh chung, bất cứ giai đoạn nào, nghiên cứu lĩnh vực nào, sáng tạo gì, phát minh những gì, đều không thể vượt ra khỏi Tứ khoa. Bởi thế mà quốc gia này được an ổn trong một thời gian dài như thế. Những người nước ngoài khi nghiên cứu lịch sử này, không ai không khâm phục người xưa, thậm chí Thacher, trong một lần nói chuyện với Trì Điền Đại Tác, người Nhật, những ghi chép trong cuộc hội thoại này tôi đã được đọc, lần đó họ bàn về Lý tưởng, họ hi vọng sau này thế giới sẽ trở thành một ngôi nhà chung, lúc đó chiến tranh sẽ chấm dứt, một quốc gia cho cả thế giới, nhưng ai là người có tư thống nhất toàn thế giới? Thacher nói rất đúng, ông ta không thiên vị. Từ lúc nhà Tần thống nhất Trung quốc cho đến nay vẫn thống nhất, vì họ thống nhất được trí tuệ, thống nhất về phương pháp, thống nhất kinh

nghiệm, nên đạt hiệu quả thống nhất, ông ta nêu ra rất nhiều điều kiện. Ở châu Âu, La mã thống nhất Âu châu một ngàn năm, sau khi bị tiêu diệt thì không thống nhất lại được nữa, biến mất luôn. Đây là quan điểm của người Anh, không phải chúng ta nói đâu, nếu chúng ta nói sẽ không ai tin. Giai đoạn này chúng ta đang hướng tầm nhìn ra thế giới, học tập những gì bên ngoài, sai lầm, chúng ta bị thiệt, đang bị lừa. Ta vứt bỏ những gì mình có được, mà những gì mình có là bảo bối. Trung quốc nổi lên phải khiến những quốc gia khác phải e sợ, những quốc gia khác phản đối Trung quốc đang uy hiếp họ. Kì thực Trung quốc không uy hiếp người khác mà đang nói đạo đức luân Lý, nếu có người Trung quốc trong xã hội, trên trường quốc tế, thì họ sẽ tuyên bố với tất cả mọi người và ngộ nhận này sẽ được hoá giải. Thế kỉ 21 là thế kỉ của người xưa, đây là nhận định của người nước ngoài, tôi tin đây là thế kỉ văn hoá của người xưa vì người xưa đã dùng văn hoá chứ không phải bằng chính trị hay quân sự, không phải khoa học kĩ thuật hay buôn bán kinh doanh để thống nhất thế giới, đó là văn hoá, đó chính là ngũ luân, tứ duy, ngũ thường, bát đức. Nếu nói đơn giản hơn, chúng ta gộp lại trong mười hai chữ, hợp tác với bất cứ một người nào trên thế giới họ cũng đều vui vẻ, mười hai chữ đó là: Hiếu, đễ, trung, tín, nhân, ái, hoà, bình, lễ, nghĩa, liêm, si. Không cứ quý vị là người dân tộc nào, thuộc hệ thống văn hoá nào, tín ngưỡng ra sao, chỉ cần nói là họ chấp nhận, không một ai phản đối. Cần hiếu hảo không? Hiếu hảo, không ai không muốn. Cần đễ không? Đễ có nghĩa tôn kính người trưởng thượng, ai cũng bằng lòng. Không ai phản đối bất cứ một yếu tố nào cả. Vì thế chúng ta phải có lòng tin rằng, văn hoá xưa được phổ biến khắp thế giới. Cả xã hội loài người ổn định thì tai nạn trên quả đất cũng được hoá giải, nhân loại đối đãi với nhau hài hoà, tôn trọng lẫn nhau, yêu thương lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, làm sao không tốt được? Cái gì cũng ồn ào, đánh nhau giết nhau sao? Sai lầm.

Mười năm gần đây tôi di dân đến Australia, quốc gia này đã mang đến cho tôi một cơ hội đó là làm đại biểu tham gia hội nghị Hoà bình của Liên hợp quốc, năm mơ chúng tôi cũng không dám nghĩ một sự kiện như thế sẽ đến với chúng tôi. Sau khi tham gia mười mấy kì hội nghị như thế, chúng tôi mới nhận ra một điều và cũng nhân cơ hội này mà chúng tôi được tiếp xúc với rất nhiều nguyên thủ các quốc gia, chúng tôi đã đưa ra kinh nghiệm của người xưa bằng cách dùng thương hiệu tiến sĩ Thatcher, đó là học thuyết Không Mạnh và Phật giáo Đại thừa, tất cả đều đồng tình, không một ai phản đối. Đạo Islam, Ấn độ giáo, đều đồng tình. Gần đây, khi chúng tôi ở Australia, giáo thọ đạo Baha's trở thành những người bạn thân của chúng tôi. Thiên chúa giáo, tôi đã hai lần đến thăm Vatican và cũng đã kết thâm với họ. Chúng ta có thể cùng dặt tay nhau để giúp đỡ thế giới trở lại ổn định, khôi phục hoà bình, bản thân chúng tôi muốn mang hết sức mọn của mình để đóng góp, hi vọng những bạn bè đồng học trẻ tuổi cần nỗ lực học tập văn hoá truyền thống xưa, học tập Không

Mạnh, học tập Đại thừa, quý vị sẽ nhận được sự hỉ lạc rất lớn. Sinh hoạt tinh thần nhất định sẽ vượt qua cuộc sống vật chất. Đời sống vật chất là chuyện nhỏ, chỉ cần ăn đủ no, mặc đủ ấm, có căn phòng nhỏ che mưa tránh nắng là đủ, như thế thì niềm vui sẽ vô biên! Sống ngày nào cố gắng làm những việc có ích, tin lời dạy của tổ tiên là đúng, tổ tiên lúc nào cũng thương yêu con cháu, yêu thương những người đi sau, nghĩ thay tất cả những điều con cháu mình nghĩ, không một quốc gia dân tộc nào trên thế giới có được. Ân huệ lớn nhất, nói thực, là văn tự xưa, dạng cổ văn, không thể tìm ra một loại văn tự thứ hai như thế, đưa tất cả những trí tuệ, kinh nghiệm, phương pháp của họ trực tiếp truyền lại cho những người đi sau, sử dụng công cụ này. Họ biết ngôn ngữ sẽ thay đổi, nên mới chia tách ngôn và ngữ thành hai thứ riêng biệt, vì văn miên viễn không thay đổi nên mới gọi là văn ngôn, mãi mãi bất biến. Ngôn ngữ biến hoá đến đâu nhưng văn ngôn vẫn được giữ nguyên, chỉ cần hiểu được văn ngôn, đọc được văn ngôn, đồng nghĩa với những người sau hai ngàn năm trăm năm chúng ta đang đọc những gì những người trước đó hai ngàn năm trăm năm đã viết, giống như viết một bức thư trước người đối diện vậy, quý vị không hề hiểu sai về họ. Phát minh này, trên thế giới không thể có một nhà thứ hai, chỉ một mà thôi. Những quốc gia khác như văn tự cổ, phải nhờ chuyên gia, khảo cổ đến kết luận mà vẫn chưa làm sáng tỏ, nhưng quý vị thấy tầm nhìn của tổ tiên chúng ta chưa? Thật là trí tuệ vô song, phát minh một thứ, có thể lưu truyền qua hàng ngàn năm vẫn giữ nguyên.

Học cổ văn có khó không? Không khó. Ngày trước thầy giáo dạy chúng tôi, phải học thuộc 50 thiên cổ văn mới có thể đọc hiểu, phải học thuộc 100 thiên cổ văn mới viết được, viết được cổ văn. Mỗi tuần chúng ta học thuộc một thiên, hai năm được 100 thiên, hai năm là chúng ta có thể nắm được chìa khoá của cổ văn, lúc đó Tứ khố toàn thư trở thành kho báu của quý vị. Không khó! Hai năm học ngoại ngữ quý vị vẫn chưa thành thạo, hai năm học cổ văn là ỏn. Từ đây quý vị có thể thấy, bậc Thánh hiền ngày xưa đã thương yêu con cháu như thế nào, đã nghĩ ra phương pháp tối ưu. Văn tự xưa là kí hiệu của trí tuệ, quý vị không biết đọc, chỉ cần nhìn vào hình dáng là có thể hiểu được nghĩa của nó, hiểu nó tượng trưng cho thứ gì, đó là dùng kí hiệu, kí hiệu của trí tuệ, điều này không có trong văn tự của các quốc gia khác. Đòi hỏi phải thực sự thông đạt mới cảm nhận được, vinh hạnh biết bao, khó khăn biết bao khi được làm một công dân nước này! Đông đủ những Thánh hiền, tổ tiên hay như thế, nếu bây giờ chúng ta không nỗ lực học tập thì chúng ta không xứng đáng với tổ tiên.

Đọc gia phả, tôi tâm đắc một điều, phần lớn dân tộc Hán là con cháu của Hoàng Đế, nếu tìm về tổ tiên chắc chắn quý vị sẽ tìm thấy, ông là người đầu tiên. Gia phả của tôi vẫn còn, khi cuộc cách mạng văn hoá bùng nổ chúng tôi đang ở hải ngoại, điều lo lắng nhất của tôi là gia phả, còn những thứ khác tôi

không để ý, vì sao? Nếu mất gia phả, chúng ta sẽ mất gốc, không bao giờ tìm lại được. May là đức độ ông bà vẫn còn nên vẫn bảo lưu đầy đủ, chúng tôi đã có được. Từ Hoàng Đế đến đời chúng tôi trải 136 đời, chúng tôi đã chia thứ tự các đời, đến đời chúng tôi, chúng tôi thuộc họ Từ, là con thứ hai của Hoàng Đế, tên Xương Ý, chúng tôi là đời sau của Xương Ý, họ Từ đến thứ sáu mới có. Đời thứ sáu là Vương Khởi, con trai của Hạ Vũ, khi làm quốc vương được phong Nhượng mộc, tổ tiên chúng tôi thuộc đời thứ sáu, được phong quốc vương của nước Từ, bây giờ là vùng Từ Châu, ngày xưa là nước Từ. Về sau quốc gia này không còn nữa nên dùng tên đó làm họ, họ này từ đó mà ra. Cuốn gia phả này ghi chép rất rõ ràng, làm sao không yên quý gia đình mình được? Ngày nay liệu được mấy gia đình tìm được tổ tông, tìm về trước 4500 năm? Không có, cả thế giới cũng không tìm được. Người xưa rất coi trọng vấn đề này, bởi thế quý vị sẽ trân quý gia đình mình, yêu quý quê hương mình, yêu nước, yêu quê, gốc gác là ở đây. Tất cả những thứ này không có, con người không thể yêu nước, cũng không thể yêu quê hương được, thế mới gọi là bi thảm!

Công đức tế tự Xuân Thu ở đâu? Là nơi “Cẩn thận khi mất, làm sáng đức nhân hậu”, lòng hiền lành, thuần hậu của người dân được nuôi dưỡng từ những chất liệu như thế. Ai ai cũng tôn kính tổ tiên của mình, mỗi người đều tôn trọng nơi thờ tự, đó chính là văn hoá truyền thống xưa. Nền văn hoá này nên được truyền bá ra cả thế giới, ngày xưa cha ông họ chưa nhận thức được điều này thì bây giờ nên xây dựng, như người xưa đã sáng tạo ra gia phả, lúc đó quý vị mới nghĩ về cha mẹ, ông bà nội, ông bà cố của mình, như thế mới có thể ghi nhớ được. Quý vị hãy thường viết ra sự truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác, đây là một bài học rất quan trọng, chúng ta nhất định không được xem nhẹ.

Hoàng gia có Thái miếu, dân gian có tự đường để ghi nhớ tổ tiên, nhớ ơn tiên tổ mới có thể hiếu kính cha mẹ, nhớ ơn tiên tổ mới có thể ghi ơn cha mẹ. Ngày nay chúng ta rất coi nhẹ việc này, nên nhanh chóng tìm lại, may ra còn kịp.

Ngày trước chúng tôi làm thí nghiệm ở Thang Trì, tôi vô cùng kinh ngạc, là bởi nó nhanh quá, chúng tôi cho rằng phải dạy học ba, bốn năm mới nhận được kết quả, nào ngờ chỉ ba tháng, chưa đến bốn tháng, nhân dân làm sao dễ tiếp thu thế này! Điều này càng khẳng định “tánh người vốn thiện”, con người rất dễ dạy bảo, con người vốn lành, họ chỉ mê lầm một lúc, sai lầm một lúc, một khi đã tỉnh ngộ, họ liền quay đầu, lập tức sám hối. Bởi thế qua thí nghiệm đó, đã khiến lòng tin chúng tôi càng kiên định hơn về văn hoá truyền thống xưa, giáo Lý Đại thừa. Trước khi chưa làm thí nghiệm, khi có những người chất vấn, đẩy chúng tôi đến độ gần như hoài nghi những gì mình làm, qua đợt thí nghiệm này, chúng tôi khẳng định là đúng, không phải giả dối. Vì thế mọi

người phải coi trọng lòng tin. Người xưa có câu: “không giao thiệp với người không có lòng tin”, ý nghĩa của chữ “tin” ở đây rất sâu sắc, trong Phật pháp nói công đức của niềm tin là vô lượng vô biên. Quý vị xem vừa rồi tôi đã nói, đối với mình, thân tâm sẽ khoẻ mạnh; với môi trường, môi trường xung quanh chúng ta cư trú, thiên tai được giảm thiểu. Nó có tác dụng lớn như vậy, nên con người không thể thiếu niềm tin, nếu thiếu nó sẽ không thành công trong lĩnh vực nào. Quý vị xem, “giả sử trì danh hiệu đến mức gió thổi không lọt, mưa tuôn không ướt, như tường sắt vách đồng, vẫn không văng sanh được”, đây là nói nếu không có niềm tin thì cho dù niệm Phật nhiều đến đâu cũng không có tác dụng, không được vãng sanh. Việc đầu tiên là phải xây dựng lòng tin, chư vị cổ đức của cả hai nước Trung-Nhật, tuy cách xa về địa Lý nhưng vẫn tương đồng quan điểm, tất cả đều cho rằng tín nguyện là nhân tố chủ chốt trong việc vãng sanh. Họ là những bậc tai mắt của trời người nhưng đều đồng ý, tán thán với chư vị tổ sư của hai nước này. Nhiều vị cao tăng Nhật bản, đều sang học tập dưới thời Tuỳ-Đường. Phần lớn họ được thân cận đại sư Thiện Đạo, tổ sư đời thứ hai của Tịnh tông, không ít người thân cận đại sư Trí Giả núi Thiên Thai. Bởi thế ngày nay ở Nhật bản, tượng đại sư Thiện Đạo rất nhiều, có thể bất kì ngôi chùa nào cũng có tượng đại sư Thiện Đạo, họ sùng bái đại sư còn hơn cả sùng bái Phật, là bởi đại sư đã trực tiếp trao truyền cho họ, là người thầy thân cận của họ. Tất cả những vị này đều nói đến chữ tín, tin một cách chắc chắn và mong cầu chí thiết, cho rằng đây chính là nhân tố chủ yếu đầu tiên để được vãng sanh thế giới Cực lạc. Nếu không có tín nguyện thì niệm Phật cũng vô dụng. Bởi thế mới tôn xưng họ là tai mắt của trời người.

Lại Di Đà Sớ Sao nói- tác phẩm Sớ Sao là của đại sư Liên Trì, năm Vạn Lịch đời nhà Thanh, ngài nói: Chỉ cần có nguyện, không ai không sanh. Nên biết nguyện lực rộng lớn như vậy, sao lại không tin, sao lại không nguyện. Có nguyện nhất định có hạnh, nếu không có lòng tin thì nguyện vãng sanh không có được. Bởi thế trong ba điều kiện, lòng tin đứng đầu, thứ hai là nguyện, thứ ba là niệm Phật. Cần phải xác định được mục đích của việc niệm Phật, đây là niệm vứt bỏ tất cả những vọng niệm của mình, niệm tâm thanh tịnh của mình, niệm bình đẳng giác, được như thế mới đúng. Nếu không đạt được ba điều ấy mà muốn cầu sanh Tịnh độ, có thể vẫn được vãng sanh, đây là công đức không thể nghĩ bàn của việc niệm Phật. Nếu quý vị niệm đến mức được tâm thanh tịnh, thì việc vãng sanh Tịnh độ là điều chắc chắn, vì sao? Vì con đường đã thông rồi, đường dây nóng nối được với Phật A Di Đà rồi, muốn đi lúc nào cũng được. Nhưng phẩm vị không cao khi đến thế giới Cực lạc, sanh vào cõi phàm thánh đồng cư. Nếu tâm bình đẳng hiển lộ thì được sanh vào cõi phương tiện hữu dư. Nếu quý vị đã khai ngộ, đại triệt đại ngộ, tức là giác, khi giác ngộ rồi quý vị sẽ sanh vào cõi Thật báo trang nghiêm. Mỗi mỗi đều khác nhau! Nên nhớ rằng, nếu muốn có được tâm thanh tịnh bình đẳng, dứt khoát quý vị

phải buông bỏ. Tôi thường dạy mọi người, độ hai ba mươi năm trở lại đây, phải buông bỏ tự tư tự lợi, phải buông bỏ danh văn lợi dưỡng, phải buông ngũ dục lục trần, phải buông bỏ tham sân si mạn. Tôi chỉ nói đến mười sáu chữ, mười sáu chữ này cản trở chúng ta, buông bỏ thì không còn trở ngại nữa, việc tu Tĩnh độ chắc chắn thành công. Tu những pháp môn khác có thể không buông bỏ với mười sáu chữ này. Mười sáu chữ này có thể đưa ta đến cổng trường, nhưng chưa bước vào cổng, muốn vào cổng, tiêu chuẩn này có thể không phù hợp, phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Tiêu chuẩn của Phật là gì? Kiến tư phiền não, tiêu chuẩn này cao hơn tiêu chuẩn tôi đưa ra, đầu tiên là phá kiến hoặc. Thế nào là kiến hoặc? Tất cả những cách nhìn sai lầm của ta, phải buông bỏ nó. Đầu tiên ta phải buông bỏ thân kiến, tức là buông bỏ suy nghĩ thân này là của ta, phải hiểu một cách triệt để, rõ ràng thân này không phải là ta, gọi là phá thân kiến. Lúc đó quý vị mới chính thức đi vào cửa nhà Phật, lớp một cấp Tiểu học. Tiêu chuẩn của tôi là dẫn quý vị đến cửa, buông bỏ tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, đó là dắt quý vị đến cửa, chưa vào trong. Điều kiện đầu tiên để vào trong là buông bỏ thân kiến.

Thứ hai là buông bỏ biên kiến, biên kiến là gì? Đối lập, tương đối. Trong sinh hoạt đời thường, ta không đối lập với người khác, họ đối lập với mình thì được, nhưng ta không thể đối lập với họ. Không đối lập với mọi việc, không đối lập với tất cả vạn vật. Nghĩa là quý vị phải mở rộng lòng mình ra, xem tất cả mọi người, tất cả mọi việc, tất cả vạn vật là bình đẳng, là mở rộng tấm lòng. Người xưa có câu lòng rộng thì phước nhiều. Trong lòng quý vị xem cái này không vừa mắt, không hứng thú với cái kia, cái này không tốt, đây là sự sai lầm quá nghiêm trọng. Người có lòng dạ hẹp hòi thì không học Phật được, người học Phật cần có tâm lượng rộng mở, đây là điều kiện thứ hai.

Điều kiện thứ ba gọi là kiến thủ kiến, thứ tư là giới thủ kiến, hợp cả hai thứ này lại, người xưa gọi là thành kiến. Người nào đó có thành kiến sâu sắc, giới thủ kiến thuộc về thành kiến của nguyên nhân, kiến thủ kiến là thành kiến của kết quả, đầu tiên ở đây là nhân quả. Không được có thành kiến, mang thành kiến thì không thể tùy duyên, quý vị mong người này hợp với mình, tôi không thể cùng với người khác được. Không có thành kiến, chúng ta mới có thể tùy thuận tất cả chúng sanh. Chúng ta cần tùy thuận người khác, đừng mong người khác tùy thuận mình, điều này rất khó. Điều kiện cuốn cùng là tà kiến, tức là sự kiến giải sai lầm của tất cả chúng sanh. Phải buông bỏ tất cả cách nhìn sai lạc, đây là gì? Lúc này mới có thể vào cửa. Đây là lời Phật dạy, chúng ta phải dùng tiêu chuẩn của ngài mới chứng được quả Tu đà hoàn của Tiểu thừa. Trong Đại thừa quý vị mới có thể vào cửa, nhập vào địa vị sơ tín trong Thập tín. Thập tín có thể ví với cấp Tiểu học, thập trú là cấp Trung học, thập hồi hướng là Trung học phổ thông, thập địa là đại học, Đẳng giác là

ngiên cứu sở, đó là 52 cấp của Bồ tát. Giống việc đi học, lớp một, lớp hai, lớp ba... đến lớp 52, khi tốt nghiệp lớp 52 là thành Phật, vì thế chúng ta phải hiểu, Phật, Bồ tát, A la hán, là danh xưng học vị trong Phật giáo, vấn đề này cần phải biết, không được hiểu sai. Đó không phải Thần tiên mà là học vị, giống nhà trường chúng ta ngày nay, có tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân. A la hán là cử nhân, Bồ tát là thạc sĩ, Phật là tiến sĩ, vì thế tất cả chúng sanh vốn sẽ thành Phật, tức là mỗi mỗi chúng sanh đều đạt đến học vị tiến sĩ, đều tốt nghiệp. Quý vị vốn đã có học vị này rồi, quý vị phải đạt tới, chúng ta nên hiểu vấn đề, trong Phật giáo không có thần tiên, nhưng Phật giáo tôn trọng, tôn kính thần tiên, tại sao? Họ là một chúng sanh trong sáu đường. Sáu đường có cõi trời, Phật hiểu rất rõ điều này. Địa vị vĩnh viễn của Phật là người Thầy, ngài làm người Thầy dạy.

Mấy năm trở lại đây, trên thế giới đã có phong trào đoàn kết tôn giáo, chúng tôi được tiếp xúc với rất nhiều tôn giáo khác nhau, cũng thật thú vị. Tôi đã từng gặp một người đạo Do thái, đạo Cơ đốc, đạo Islam, họ hỏi tôi: trong Phật giáo không có đáng sáng thế, Phật giáo không có đáng sáng thế, không có vị thần để sùng bái. Tôi trả lời họ: Phật giáo thừa nhận có Thần, tôn kính Thần, lễ bái Thần, nghe thế họ rất phấn khởi. Họ nói: Vậy Phật Thích Ca trong Phật giáo của bạn được coi là gì? Tôi bảo Phật Thích Ca Mâu Ni là một vị Thầy, dạy học, ngài làm trong ngành giáo dục. Họ bảo: Tôn giáo của tôi nói, người tạo tội lỗi, trong phán quyết cuối cùng, phán quyết là bản phận của Thượng đế. Thầy giáo chúng tôi không quản Lý việc đó, thầy giáo chỉ coi việc dạy học, không phán quyết. Nghe thế họ khoái chí lắm, quyền phán quyết thuộc về họ, chúng tôi chỉ dạy, dạy bạn đừng làm việc xấu thì bạn đã không cần thẩm phán rồi. Tôi nói đạo Phật là đạo làm Thầy, giống như trong một tổ chức chính phủ, Phật giáo đảm trách việc giáo dục chứ không phải ngành tư pháp, cũng không tham gia hành chính, vì thế không xảy ra mâu thuẫn, không thể nói thần của anh lớn hơn thần tôi, thần tôi lớn hơn thần anh, như thế là xảy ra mâu thuẫn, xung đột, lớn bằng nhau hết, mọi người đều bình đẳng. Và lại Phật giáo không tham gia chính trị, nên họ càng yên tâm hơn. Phật giáo dạy học, ai cũng có thể đến học, các bạn đều có thể đến học Phật pháp, vì sao? Phật dạy trí tuệ, bạn muốn có trí tuệ không? Bởi thế tôi khuyên rất nhiều tôn giáo, ngày chủ nhật quý vị cứ tổ chức hành lễ ở giáo đường quý vị, thứ bảy Tịnh tông chúng tôi giảng kinh, mọi người có thể đến học Phật mà không có sự va chạm nào. Tôi nói Thượng đế, quý vị là con cái của Thượng đế, khi bạn đến chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật Thích Ca Mâu Ni là thầy giáo, giữa chúng ta là mối quan hệ thầy trò, bên các bạn là tình cảm cha con. Việc đi học của quý vị không phải là mối quan hệ thầy trò sao? Trong nhà có cha mẹ, cha mẹ của các bạn không phải đưa bạn đến trường để học sao? Thượng đế của quý vị chắc sẽ rất vui lòng vì con cái của Người ai cũng có trí tuệ. Thượng đế cũng rất vui mừng khi con cái của Người được làm học trò Phật Thích Ca

Mâu Ni! Họ chắc không phản đối khi nghe chuyện đó. Ai làm cha mẹ mà không mong con cái có đức hạnh, có trí tuệ, có học thức? Trong lúc đó Phật Thích Ca Mâu Ni là một thầy giáo giỏi nhất. Bởi thế mấy năm gần đây, ban đầu chúng tôi cho rằng đoàn kết tôn giáo cần thêm nhiều bàn luận, nhưng chưa được một lần thực hiện, mười mấy năm một lần vẫn chưa thực hiện được chỉ vì một việc cực kì khó khăn đó là Thiên chúa giáo. Chúng tôi đã chủ động giao tiếp với Thiên chúa giáo trong ba năm, họ thực sự đem lòng chân thành để hợp tác với chúng tôi, còn những tôn giáo khác thì không, đại khái những tôn giáo khác độ nửa năm đến một năm là chúng tôi có thể trở thành bạn bè, chỉ có mất ba năm với Thiên chúa giáo, nhưng trong ba năm đó sau những chuyển biến đã có những kết quả rất đáng khích lệ, hai bên rất có thành ý! Họ đã thực sự có những hiểu biết. Tôi tuyên bố với họ: Tất cả tôn giáo trên thế giới này đều là con một nhà, tất cả các đảng giáo chủ các tôn giáo đều hoá thân từ một vị Thần, tôi đã giải thích với họ như vậy, tôi hỏi họ có thừa nhận hay không, giáo chủ của quý vị có trí tuệ không? Tất cả đều thừa nhận là có. Quý vị có thừa nhận Thần của quý vị có thần thông, giỏi biến hoá không? Có. Tôi nói: Vậy thì tốt rồi. Chân thần này trong đạo Thiên chúa biến thành Gesu, trong Phật giáo biến thành Thích Ca Mâu Ni, tại Trung quốc biến thành Khổng tử, họ là những hoá thân, thân chính của họ vẫn là một. Tất cả đều đồng ý với tôi về cách kiến giải này, một vị Thần chính hoá thân, vậy thì một vị thần tại sao lại tổ chức nhiều tôn giáo như vậy? Bởi hệ thống giao thông ngày trước chưa thuận tiện, không có các phương tiện liên lạc, khi người khác mất không thể đến thăm nhau, bởi thế ở mỗi khu vực đều có những vị Thần khác nhau để dạy dỗ chúng sanh, họ cần hoá thân thành con người ở vùng đất đó, làm hình tượng người ở quốc gia đó, ứng dụng văn hoá ở vùng đất đó để giáo hoá mọi người. Quý vị hãy để tâm đọc kinh, nghiên cứu, không nên chỉ đọc kinh sách của tôn giáo mình mà không đọc kinh sách các tôn giáo bạn, tất cả các kinh sách bạn đều nên mang về để đọc, phát hiện ra những gì trong kinh điển, cho chúng ta biết, chỉ một mục tiêu, một phương hướng, chính xác 80% là tương đồng, chỉ còn lại 20% không đồng ý với nhau. 20% đó là gì? Là tập quán sinh hoạt, mỗi vùng đất đều có những tập tục, lễ nghi, phong tục, tập quán khác nhau. Phương hướng là nhất trí, không có vị giáo chủ nào không dạy người yêu thương người, nếu dung hợp tất cả lại với nhau để thành một từ thôi thì từ đó chính là yêu thương. Thần yêu thương người thế gian, nhà Phật nói từ bi, đạo Islam gọi là nhân từ. Thượng đế là gì? Yêu thương là Thượng đế, yêu thương nằm ở đâu? Ngự trị trong tim, Thượng đế trong tim bạn. Nếu bạn không yêu thương người chính là hại người, đó là ma quỷ, trong tâm bạn là ma quỷ. Nếu bạn thực sự yêu thương con người thì trong tim bạn là Thượng đế.

Mười mấy năm trở lại đây chưa bao giờ gặp vãn nạn, chưa bao giờ xảy ra tranh cãi, rất hài hoà, rất dung hợp, những biểu hiện của chúng tôi cũng khiến

họ cảm động. Đến giáo đường, chúng tôi lạy những vị thần của họ, họ cảm thấy rất kinh ngạc. Có người Phật tử đến hỏi tôi: Thầy sao lại lạy chúa Ki tô? Sao lại lạy Phạm thiên của Ấn độ giáo? Đạo Hinduism, đạo Hinduism không có tượng Thần nhưng họ vẫn có kinh điển, lạy kinh của họ. Tôi đã nói với những người đồng học của tôi: Tất cả những đấng giáo chủ của các tôn giáo đều là hoá thân của Phật, tôi lạy Phật, đó là hoá thân của Phật.

Khi đến Nhật bản dự hội nghị, mỗi lần đến Nhật bản tôi đều đến thăm một vị hoà thượng, vị hoà thượng này rất thích tôi, đó là hoà thượng Trung Thôn Khang Long, đã viên tịch năm ngoái, thọ 103 tuổi. Ngài rất hiền, lần đầu được diện kiến, ngài nói với tôi: Mỗi vị giáo chủ các tôn giáo trên thế giới đều là hoá thân của Bồ tát Quan Thế Âm, Bồ tát Quan Thế Âm có 32 ứng thân, cần hiện thân nào thì ngài hiện ra thân đó, cần hiện thân Cơ đốc để độ, ngài liền hiện thân Cơ đốc để độ họ; cần hiện thân Phật để độ, ngài liền hiện thân Phật để độ họ. Cần hiện thân gì để độ, ngài liền hiện ngay thân đó để độ họ. Ngài nói tất cả những vị Thần, những vị giáo chủ các tôn giáo đều là hoá thân của Bồ tát Quan Thế Âm. Khi cáo biệt, đệ tử ngài là thầy Kiều Bồn, hiện đang chủ trì đạo tràng Kiều Bồn, khi tiễn tôi, thầy Kiều Bồn nói: Từ trước đến nay Hoà thượng tôi chưa từng nói chuyện đó, sao thầy lại được Hoà thượng tôi nói chuyện đó? Tôi nói Hoà thượng không phải người phàm. Vì thế ngoài người bạn già Nhật bản đã viên tịch, còn có lão nhân Hoàn Không, thương quý tôi lắm, ngài đã hơn 90 tuổi, cũng vừa viên tịch năm ngoái, những người già đã khô héo cả, thực sự thiếu những bậc anh tài kế nghiệp, đây cũng là một điều khiến chúng tôi lo lắng. Bởi thế những người đệ tử Phật hãy còn trẻ, bắt luận tại gia hay xuất gia cần phát tâm Bồ đề, nối tiếp tuệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh, trong đó quan trọng nhất là buông bỏ tự tư tự lợi, vì nếu có nó thì mọi việc đã hỏng, quý vị không thể học tập được gì. Dứt khoát phải dùng tâm chân thành, không dành cái gì cho mình cả, tất cả chỉ vì chúng sanh, đừng nhìn tâm nhìn chúng sanh đang đau khổ, dốc toàn tâm lực thay Phật, Bồ tát, giúp đỡ chúng sanh trong công việc trọng đại này. Giúp đỡ thế nào? Giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, nhất định phải biết. Ngày trước Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế đã dạy dỗ chúng sanh, chưa từng một ngày ngưng nghỉ, 49 năm như thế, chưa nghe ngài nghỉ dạy ngày nào. Những tôn giáo nước ngoài vẫn còn ngày chủ nhật, nhưng Phật giáo thì không. Vì thế Phật Thích Ca Mâu Ni thực sự là người chân thành, dạy suốt 49 năm, từ lúc bắt đầu cho đến lúc bệnh và nhập Niết bàn chưa nghỉ ngơi ngày nào. Là một người thầy giáo điển hình nhất, ưu tú nhất trên thế giới, là người thầy mô phạm, dạy không lương, hoàn toàn tình nguyện. Ngài không phân biệt quốc tịch, tín ngưỡng, chủng tộc, không từ chối kẻ đến, không giữ người muốn đi, chỉ cần quý vị muốn học với ngài, ngài đều tận tâm dạy dỗ, đem hết lòng hướng dẫn quý vị.

Tất cả những điều này chúng ta đã được chứng kiến trong kinh điển, rất nhiều giáo sĩ truyền giáo của các tông giáo khác, những người chủ trì cộng đoàn tôn giáo đã đến học tập với Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta cần nhận thức rõ điều này, nó không phải là tôn giáo, mà là giáo dục, bởi vậy bất luận theo tín ngưỡng nào cũng có thể đến học tập, như một viện Đại học, tất cả đều nhận Phật làm thầy, bởi thế Phật pháp là đạo dạy học, chỉ cần tôn sư trọng đạo là quý vị đã thành tựu đạo nghiệp.

Chúng ta nhắc lại, đọc lại câu trên một lần nữa, “những người có lòng mong, không ai không được vãng sanh, mới hay tầm sâu rộng của sức mong cầu, sao lại không tin, sao lại không nguyện”. Đây là những lời dạy của đại sư Liên Trì dành cho chúng ta. “Người tu pháp môn Tịnh độ, theo trong kinh này dạy rồi phát tâm Bồ đề, một hướng chuyên niệm, theo “tiểu bản” rồi tín nguyện trì danh, thực sự khắc cốt ghi tâm, đừng lơ là”.

Mấy câu trên đây rất quan trọng, tuyệt đối không nên coi nhẹ và bỏ qua, rất ít người thực sự nhận biết lợi ích công đức của danh hiệu. Chúng ta hãy nói sơ về danh hiệu Phật A di đà, có lẽ không thể nói trong mười mấy giờ, trước đây chúng tôi đã giới thiệu, rồi sau đó vẫn tiếp tục nói. Công đức danh hiệu thực sự không thể nghĩ bàn.

Thời nhà Tùy-Đường, một số cao tăng của các nước như Trung quốc, Nhật bản, Hàn quốc, sau này đều trở thành những vị tổ sư trên quốc gia của họ, những vị này đã từng thảo luận xung quanh vấn đề, họ đưa ra đề nghị thế này: Lúc còn tại thế, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng kinh, dạy học suốt 49 năm, vậy thì bộ kinh nào là quan trọng nhất, có thể đại diện cho toàn bộ giáo pháp? Vấn đề này xin mọi người suy nghĩ kỹ, xem xét. Cuối cùng mọi người đồng ý đưa ra bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, rất nhiều người tán đồng, là bởi kinh Hoa Nghiêm quá đặc thù. Lúc bắt đầu học Phật, tôi được thầy giáo giới thiệu bộ kinh Hoa nghiêm, cách nhìn của thầy về bộ kinh này ra sao? Đó là khái luận về triết học Phật giáo, thầy đã nhận xét bộ kinh này dưới góc độ đó, quả không sai, đích xác là khái luận triết học Phật giáo. Tất cả các hệ phái Phật giáo đều xuất phát từ kinh Hoa nghiêm, giáo nghĩa kinh Hoa nghiêm bao quát tất cả giáo Lý đạo Phật, giáo nghĩa của các tông phái đều nằm trong đó, nhưng cuối cùng nơi qui hướng của kinh Hoa nghiêm là chỗ nào? Cuối cùng vẫn quay về Tịnh độ. Đây là kết luận cuối cùng của những đại đức cao tăng thời Tùy-Đường. Chương cuối cùng, khi đồng tử Thiện Tài đi tham vấn năm mươi ba chỗ, nơi tham vấn cuối cùng, đã được mười đại nguyện Bồ tát Phổ Hiền đưa về Cực lạc, điều này đã chứng minh, Hoa nghiêm hướng dẫn mọi người về thế giới Cực lạc, có nghĩa là quay về với kinh Vô lượng thọ, từ đó địa vị của kinh Vô lượng thọ được đánh giá rất cao, ngang với kinh Hoa nghiêm. Không những ngang bằng thậm chí còn cao hơn kinh Hoa nghiêm. Bộ kinh Vô lượng thọ, tổng cộng 48 chương, hay còn gọi

48 phẩm, vậy chương nào là quan trọng nhất? Chương thứ 06, nội dung chương này nói về 48 lời nguyện của Phật A di đà, chương này là tự thân Phật A di đà nói, những chương khác do Phật Thích Ca Mâu Ni nói. Nguyện nào quan trọng nhất trong số 48 lời nguyện? Tiếp tục truy, cuối cùng ta tìm được lời nguyện thứ 18, nội dung lời nguyện này là gì? Mười niệm sẽ được sanh, đây chính là công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Vì thế tất cả đều quay về điểm cuối, đó là câu A di đà Phật, câu A di đà Phật đã tiêu biểu cho lời giáo huấn của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời, kết luận cuối cùng là một câu, ý nghĩa của câu này là gì? Cách phiên dịch của chúng ta hiện nay là phiên âm, dịch âm chữ A di đà. Bốn chữ A di đà Phật là tiếng Phạn, có thể dịch nghĩa chữ này bằng chữ Hán, sao không dịch? Vì tôn trọng. A dịch là “vô”, có nghĩa “vô” trong chữ Hán, Di đà dịch “lượng”, Phật có nghĩa “giác ngộ”, gộp tất cả là “vô lượng giác”. Quý vị thử nghĩ Vô lượng giác có thể đại diện tất cả chư Phật trong ba đời mười phương không? Hoàn toàn được, vô lượng giác! Vị Phật nào không giác? Mỗi vị Phật đều là đại giác viên mãn, vì thế cuối cùng quay về vô lượng giác. Trong kinh Di đà, vô lượng giác được Phật Thích Ca Mâu Ni dùng bằng hai danh từ: Vô lượng thọ và Vô lượng quang. Thọ tượng trưng cho thời gian, Quang tượng trưng cho không gian, có nghĩa là trong không gian và thời gian không thể tính kể, nó đã ôm trọn tất cả tánh, tướng, Lý, sự, nhân, quả, tổng hợp tất cả là một câu danh hiệu. Bởi vậy, niệm A di đà Phật là niệm cái gì, chúng ta cần phải hiểu! Niệm tất cả biến pháp giới hư không giới, không chỗ nào lọt ra ngoài cả, tất cả những thứ đó đều có mối quan hệ chặt chẽ với bản thân ta. Vì sao? Tất cả đều cùng một sinh mạng, cùng một pháp tánh. Không thể nói hết câu danh hiệu Phật! Cả bộ kinh này chỉ nói về câu danh hiệu Phật, chúng ta giảng bộ kinh này đã suýt soát nửa năm, khi giảng xong bộ kinh này, tôi tính mất độ 1200 đến 1400 giờ cho môn học này.

Lần đến Australia, hiệu trưởng đại học Queensland và hiệu phó trường đại học Griffisch đã hỏi tôi hiện nay thầy đang làm gì? Là lần tôi đang khai giảng khoá này, khi nói đến số giờ dạy, họ ngỡ người, có trường đại học nào lại có học phần dài như thế? Tôi thưa: Một bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, quý vị biết tôi giảng một lần mất bao nhiêu giờ? 20000 giờ, có trường đại nào có khoá học dài như vậy không? trong nhà Phật có đấy.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 389

Cắt từ phút 58:54 đến phút 59:51